

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ K
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ K - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hùng Cường

Ông Nguyễn Thành

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ K - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ K - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Nguyên Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ K - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2023/TLST-DS ngày 17/3/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-DS ngày 25/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-DS ngày 12/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Á

Địa chỉ trụ sở: 130 Ph Đ L, phường 3, quận Ph Nh, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Tô Vọng B - Trưởng phòng phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Đ Á - Chi nhánh N T; địa chỉ liên lạc: 1270 đường 2 tháng 4, phường V Th, thành phố N T, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền số 58/QĐ-NTG ngày 07/12/2022); có mặt.

- Bị đơn: Bà Trương Thị Th, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ M 4, thị trấn Đ K, huyện Đ K, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Như Tr, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ M 4, thị trấn Đ K, huyện Đ K, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình

bày: Ngày 20/3/2016, bà Trương Thị Th ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm kê ước nhận nợ (dành cho vay tín chấp Hội viên thuộc Hội liên hiệp phụ nữ) để vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Á số tiền 15.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 21/04/2016 đến 21/04/2017; lãi suất vay: 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn; tài sản đảm bảo: tín chấp - không có tài sản đảm bảo; mục đích vay: bán nem chả; theo chương trình liên kết cho vay trả góp dành cho khách hàng là hội viên Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Thị Trấn D K. Theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm kê ước nhận nợ (dành cho vay tín chấp hội viên thuộc Hội LHPN) ngày 20/03/2016, chồng bà Th là ông Nguyễn Như Tr ký tên với tư cách là người bảo lãnh cho khoản vay của bà Th. Với số tiền vay, lãi suất vay và kỳ hạn vay như trên, thì bà Trương Thị Th phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 16.800.000 đồng; trong đó, vốn gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 1.800.000 đồng. Thời hạn trả nợ trong 12 kỳ, trong 11 kỳ đầu mỗi tháng trả 1.500.000 đồng, kỳ thứ 12 (tháng cuối) trả 300.000 đồng. Ngày 21/04/2016, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản thẻ số 0109572262 của Bà Trương Thị Th, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Á - Chi Nhánh N T. Sau khi vay, bà Th không thực hiện việc trả nợ theo như cam kết với Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 21/4/2016. Trong quá trình vay, đến ngày 29/10/2016 bà Th chỉ trả được cho Ngân hàng một lần số tiền lãi trong hạn là 161.377 đồng. Sau khi hết thời hạn vay, nhiều lần Ngân hàng đã gọi điện, làm việc bằng biên bản và tạo điều kiện cho bà Th trả nợ vì vậy trong quá trình vay đến nay, bà Trương Thị Th đã trả được cho Ngân hàng số tiền 8.096.377 đồng; trong đó, nợ gốc là 7.935.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 161.377 đồng. Bắt đầu từ ngày 02/10/2020, bà Thủy không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng cũng đã gọi điện, làm việc bằng biên bản và tạo điều kiện cho bà Th nhưng bà Th vẫn chưa trả hết nợ cho Ngân hàng. Nay, ngân hàng yêu cầu bà Th, ông Tr phải trả số tiền vay còn nợ tính đến ngày 29/9/2023 là 21.462.600 đồng (gồm, nợ gốc: 7.065.000 đồng, lãi trong hạn: 1.638.623 đồng, lãi quá hạn: 12.758.977 đồng) và các khoản lãi, phí phát sinh sau ngày 29/9/2023 cho đến bà Th, ông Tr thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm kê ước nhận nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Như Tr vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện D K đã làm thủ tục thông báo, nhắn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với bà Th, ông Tr và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, bà Th, ông Tr vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về nội dung: Qua đơn khởi kiện các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Á và tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm kế ước nhận nợ (dành cho vay tín chấp Hội viên thuộc Hội liên hiệp phụ nữ) thể hiện Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Á có cho bà Trương Thị Th vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 21/04/2016 đến 21/04/2017; lãi suất vay: 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn; tài sản đảm bảo: tín chấp - không có tài sản đảm bảo; mục đích vay: bán nem chả.

Trong quá trình vay, Bà Trương Thị Th chỉ mới trả được cho Ngân hàng số tiền 8.096.377 đồng; trong đó, nợ gốc là 7.935.000 đồng; nợ lãi là 161.377 đồng điều này cho thấy bà Th có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền 15.000.000 đồng nhưng từ ngày 02/10/2020 đến nay, bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã gọi điện, làm việc bằng biên bản nhiều lần và tại điều kiện cho bà Th trả nợ, vì vậy Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của bà Th sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với bà Th và nơi bà Th cư trú nhưng được biết bà Th đã không còn ở tại địa chỉ tổ dân phố Đông Môn 4, thị trấn D K, huyện D K như đã cung cấp cho Ngân hàng, nhưng không báo lại cho Ngân hàng được biết. Khi vay tiền Ngân hàng, bà Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ dân phố tổ dân phố Đông Môn 4, thị trấn D K, huyện D K. Qua xác minh tại Công an thị trấn D K, được biết bà Th đã không có mặt tại địa phương từ tháng 10/2022 đến nay vì vậy đây là trường hợp bà Th cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu bà Th thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là có căn cứ.

Xét yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Như Tr phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ: Tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm kế ước nhận nợ, chồng bà Th - ông Nguyễn Như Tr là người bảo lãnh cho khoản vay của bà Th trong trường hợp bà Th không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng. Xét đây là khoản nợ vay trong thời kỳ hôn nhân, ông Tr là người ký bảo lãnh cho khoản vay này của bà Th; vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Tr phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Th trả cho Ngân hàng khoản vay trên là căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất vay trong hạn và lãi quá hạn:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo Hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Tại điểm 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “*Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau: a) Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.*”.

Vì vậy, đối với những khoản lãi suất này, Hội đồng xét xử chấp nhận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận.

[6] Ngoài khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn mà bà Th, ông Tr phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà Th, ông Tr còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm. Điều này đã được quy định rõ tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, tại phần quy định chung cũng cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Á nên bà Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 1.073.130 đồng (21.462.600 đồng x5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, 94 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Điểm 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Á.

Buộc bà Trương Thị Th và ông Nguyễn Như Tr phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Á số tiền tính đến ngày 29/9/2023 là 21.462.600 đồng (gồm, nợ gốc: 7.065.000 đồng, lãi trong hạn: 1.638.623 đồng, lãi quá hạn: 12.758.977 đồng).

Kể từ ngày 30/9/2023, bà Trương Thị Th và ông Nguyễn Như Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.073.130 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi ba nghìn một trăm ba mươi đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Á số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012492 ngày 15/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D K - Khánh Hòa.

3. Quy định: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D K;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D K;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa